TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2021/DS-ST
Ngày: 13-4-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Châu Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dânhuyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minhtham gia phiên toà: Ông Huỳnh Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 489/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên toà số: 78/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên S.

Địa chỉ: Tầng 23, Trung tâm Thương Mại Sài Gòn, Số 37, đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Phú V, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Tầng 23, Trung tâm Thương Mại Sài Gòn, Số 37, đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Công Mạnh L, sinh năm: 1995 – Nhân viên bộ phận pháp chế (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Thân Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 17, Tổ 4, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng

mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 21/08/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 26/08/2015 Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên S (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính S) và bà Thân Thị T ký hợp đồng tín dụng số 10715345. Theo đó, bà Thân Thị T vay tiền của Công ty Tài chính S và Công ty Tài chính S số tiền 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 48 tháng, kể từ ngày giải ngân (ngày giải ngân 26/08/2015), lãi suất (tính trên dư nợ giảm dần) là 32%/năm. Mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Bên vay phải trả nợ gốc và lãi mỗi tháng một lần vào ngày 05 hàng tháng. Số tiền gốc và lãi cho mỗi lần trả nợ là căn cứ vào bảng kế hoạch thanh toán (phụ lục số 2). Ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 05/09/2015.

Đến thời điểm hiện tại, bà Thân Thị T đã đóng được 18 kỳ, kỳ đóng cuối cùng vào ngày 26/06/2017 tổng số tiền nợ gốc và lãi đã thanh toán là 59.018.800 đồng (năm mươi chín triệu không trăm mười tám nghìn tám trăm đồng), trong đó tiền gốc là 20.302.700 đồng, tiền lãi là 36.195.900 đồng và tiền lãi, phí phạt chậm trả nợ là 2.520.200 đồng. Sau kỳ thanh toán này bà Thân Thị T đã không thực hiện việc thanh toán như cam kết trong hợp đồng. Mặc dù đã được Công ty Tài chính S nhiều lần gọi điện T nhắc nhở nhưng bà Thân Thị T không thanh toán cho Công ty Tài chính S số tiền nợ còn lại.

Do bà Thân Thị T không thanh toán số tiền nợ còn thiếu đã gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Công ty Tài chính S. Vì vậy, Công ty Tài chính S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết các vấn đề sau đây:

Buộc bà Thân Thị T hoàn trả lại cho Công ty Tài chính S số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 10715345 ký ngày 26/8/2015 với tổng số tiền nợ tạm tính cho tới ngày 13/4/2021 là 206.955.470 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi đồng) trong đó: Tiền gốc là 64.697.300 đồng, tiền lãi là 28.908.500 đồng, tiền lãi chậm trả là 113.349.670 đồng.

Buộc bà Thân Thị T phải thanh toán tiền lãi chậm trả trên dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 10715345 từ ngày 14/4/2021 cho đến khi thanh toán đủ số tiền theo yêu cầu.

Công ty Tài chính S chỉ yêu cầu cá nhân bà Thân Thị T thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên.

Bị đơn: Bà T vắng mặt tại phiên toà, không rõ lý do vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

* Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc cá nhân bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 206.955.470 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi đồng) và phải thanh toán tiền lãi chậm trả trên dư nợ gốc theo hợp đồng tính dụng số 10715345 từ ngày 14/4/2021 cho đến khi thanh toán đủ số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết buộc bị đơn trả tiền vay với mục đích tiêu dùng, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo kết quả xác minh của Công an xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi thể hiện bị đơn là bà Thân Thị T có hộ khẩu thường trú tại tổ 04, ấp P, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện đang sinh sống tại nơi cư trú. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng bị đơn không đến tòa để tham gia tố tụng mà không rõ lý do vắng mặt, bị đơn không cung cấp cho Tòa án ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn cũng như phía bị đơn không cung cấp chứng cứ, tài liệu liên quan đến vụ án. Hội đồng xét xử chỉ xem xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt, không rõ lý do vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Hội đồng xét xử xét số tiền nợ gốc còn lại là 64.697.300 đồng theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bà T có thực hiện vay tiền Công ty Tài chính S và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 10715345 và bản điều khoản cơ bản hợp đồng tín dụng cá nhân mà bà T đã ký với Công ty Tài chính S, đồng thời đã vi phạm vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ cho bên cho vay, bà T không cung cấp tài liệu chứng cứ xác định về số tiền nợ gốc nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu do Công ty Tài chính S cung cấp là phù hợp quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét tiền lãi, tiền lãi chậm trả và lãi suất: Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10715345, bản điều khoản cơ bản hợp đồng tín dụng cá nhân và phụ lục 2 thể hiện lãi suất (tính trên dư nợ giảm dần) là 32% và lãi suất chậm trả là 150% của lãi suất ghi trên hợp đồng. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng… thì áp dụng theo quy định của Luật này", theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Công ty Tài chính S của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật", do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng, tiền lãi được tính theo lãi suất và lãi suất chậm trả do Công ty Tài chính S yêu cầu bà Thân Thị T trả là phù hợp quy định của pháp luật.

Như vậy, Công ty Tài chính S yêu cầu bà Thân Thị T hoàn trả lại cho Công ty Tài chính S số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 10715345 ký ngày 26/8/2015 với tổng số tiền cho đến ngày 13/4/2021 là 206.955.470 đồng (hai trăm lẻ sáu triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm bảy mươi đồng), trong đó: Tiền gốc là 64.697.300 đồng, tiền lãi là 28.908.500 đồng, tiền lãi chậm trả là 113.349.670 đồng. Bà Thân Thị T phải thanh toán tiền lãi chậm trả trên dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 10715345 cho đến khi thanh toán đủ số tiền nêu trên là có cơ sở để chấp nhận và cũng phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Công ty Tài chính S chỉ yêu cầu cá nhân bà T trả nợ nên Hội đồng xét xử chỉ buộc cá nhân bà T trả nợ cho Công ty Tài chính S.

Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2017; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty Tài chính S:

Buộc cá nhân bà Thân Thị T phải thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 10715345 ngày 26/8/2015 tính đến ngày 13/4/2021 cho Công ty Tài chính S số tiền là 206.955.470 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu chín trăm năm mươi lăm ngàn bốn trăm bảy mươi đồng).

Thời gian và cách trả: Trả một lần ngay khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 14/4/2021 bà Thân Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 10715345 ngày 26/8/2015đã ký giữa bà Thân Thị T và Công ty Tài chính S cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty Tài chính S thì lãi suất mà bà T vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Tài chính S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty Tài chính S.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Thân Thị T phải chịu án phí là 10.347.774 đồng (Mười triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty Tài chính S số tiền đã nộp là 4.443.493 (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0013827 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Thời hạn kháng cáo đối với bản án này là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THA DS Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Châu Trinh